

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2021/HSPT
Ngày 23 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Ngô Anh D
Ông Vũ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 504/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Dương Đức T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: Dương Đức T sinh năm 1998 tại Bắc Giang; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố ĐK, thị trấn N, huyện TY, tỉnh BG; nơi ở: Đường TC, xã T, huyện VL, tỉnh LS; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2020 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Đức T theo yêu cầu của Tòa án: Bà Giáp Thị V, Luật sư của Văn phòng Luật sư Kim Vĩnh An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn M (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Dương Thị T2, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn V, xã VX, huyện LN, tỉnh BG (đều có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Trần Văn D, 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và 18 người làm chứng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua công tác nắm tình hình hoạt động của các đối tượng vận chuyển hàng hoá nhập lậu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit biển kiểm soát 29B-501.64 do Trần Văn D (sinh năm 1989 ở thôn CP, xã HK, huyện S, Thành phố Hà Nội) điều khiển và Dương Đức T là chủ xe có dấu hiệu vận chuyển hàng hoá không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ từ Hà Nội về Lạng Sơn. Ngày 14/9/2020, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số 275/QĐ-CAT-PC03 dừng chiếc xe ô tô trên tại tuyến giao thông đường bộ thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xử lý.

Thực hiện Quyết định trên, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang lập kế hoạch, phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông và Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang lập chốt tại Km 122+250 đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang thuộc địa phận xã Nội Hoàng, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang để dừng, kiểm tra xe ô tô mang biển kiểm soát 29B- 501.64. Tổ công tác liên ngành gồm 13 người. Trong đó, Phòng Cảnh sát kinh tế có 04 người; Phòng Cảnh sát giao thông có 05 người và một số Chiến sĩ nghĩa vụ của Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bắc Giang gồm các anh Ngô Đức L, Ngô Văn H, Nguyễn Văn M được điều động, tăng cường; Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang có 04 người.

Khoảng 16 giờ ngày 14/9/2020, Tổ công tác phát hiện xe ô tô mang biển kiểm soát 29B- 501.64 do Trần Văn D điều khiển, Dương Đức T ngồi ở ghế phụ xe di chuyển trên đường cao tốc hướng về phía thành phố Bắc Giang nên triển khai lực lượng dừng xe. Khi xe ô tô cách khoảng 30 mét, anh Nguyễn Ngọc A là Cảnh sát giao thông sử dụng gậy chỉ huy điều khiển giao thông và còi ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra, Trần Văn D đã giảm tốc độ, bật xi nhan và điều khiển xe vào phía bên phải trên làn dừng khẩn cấp.

Khi xe vừa dừng lại, Trần Văn D và Dương Đức T thấy các anh L, H, M đang đi bộ theo một hàng ngang cách đầu xe khoảng 3 đến 5 mét và hướng đến vị trí xe ô tô. Do trên xe chở hàng hoá không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc sẽ bị tịch thu và bồi thường tiền cho chủ hàng nên T bảo D “Chạy đi anh ơi”. Vì T là chủ xe nên D làm theo. D tăng ga điều khiển xe tiến thẳng về phía các anh L, H, M ở phía trước. Thấy vậy, anh H nhảy tránh sang phía trái, anh L nhảy tránh sang phía phải để tránh, còn anh M đứng giữa chỉ kịp nhảy lên bám trên nắp capo trước đầu xe ô tô. Thấy vậy, anh L dùng gậy chuyên dụng vụt 01 nhát trúng gương chiếu hậu bên phải xe làm mất gương nút và rơi xuống đường. Lúc này, anh M vẫn đang đu bám trước đầu xe ô tô. T tiếp tục bảo D lái xe bỏ chạy; D lái xe lạng lách, tránh các xe cùng chiều để bỏ chạy.

Tổ công tác liên ngành đã truy đuổi đến đoạn qua cầu vượt Song Khê - Nội Hoàng thì xe vượt lên yêu cầu dừng xe nhưng D vẫn lái xe ô tô lạng lách bỏ chạy đến Km 121+90 thì anh M bị ngã xuống đường và bị bánh trước bên phải của xe ô tô do D điều khiển chèn qua người. T tiếp tục bảo D lái xe bỏ chạy nhưng thấy D lái xe loạng choạng nên đến Km 119+700 thì T bảo D dừng xe lại. D đỗ xe ở làn đường khẩn cấp sau đó mở cửa bỏ chạy; T chạy xuống đường dân sinh thì bị bắt giữ. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, D đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú. Anh Nguyễn Văn M được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu nhưng đã tử vong trên đường đến bệnh viện.

Cơ quan điều tra đã thu giữ Camera hành trình trên xe ô tô của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang khi truy đuổi và dữ liệu trên điện thoại di động do anh Ngô Thành Tr quay video ghi lại hình ảnh xe ô tô biển kiểm soát 29B-501.64 bỏ chạy; hình ảnh anh M đu bám trên đầu xe ô tô; hình ảnh anh M ngã xuống đường và bị bánh xe ô tô 29B-501.64 chèn qua người; hình ảnh xe ô tô tiếp tục di chuyển. Đồng thời, đã tổ chức việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit mang biển kiểm soát 29B-501.64, khám nghiệm tử thi anh Nguyễn Văn M, trưng cầu giám định nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn M và giám định dấu vết trên các vật chứng đã thu giữ. Kết quả xác định Trần Văn D và Dương Đức T đã thực hiện hành vi như đã nêu trên, gây hậu quả anh Nguyễn Văn M chết *“do đa chấn thương do tai nạn giao thông”*, với các thương tích: *“Vùng cằm phải có vết thương hình dấu cộng, xung quang chột da. Trước ngực phải có 03 vết chột da. Gãy xương sườn số 2, 3 cung trước bên phải. Chọc hút khoang màng phổi bên phải ra nhiều máu màu đỏ không đông. Mông phải có vết chột da. Vỡ xương chậu, toác xương mu. Hậu môn có vết thương rách da, sâu thông vào trong tiểu khung... Sọ não: Tụ máu tổ chức dưới da đầu quanh vết thương vùng cằm phải, nứt vỡ xương sọ vùng cằm, qua kẽ xương sọ vỡ có máu màu đỏ chảy ra”*.

Về nguồn gốc chiếc xe ô tô có biển kiểm soát 29B-301.53: Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Dương VD (bố của bị cáo T) mua, sau đó giao cho T quản lý, kinh doanh; T thuê D lái xe chở hàng hóa. Theo T khai đã mua 01 bộ biển kiểm soát giả là 29B-501.64 lắp vào chiếc xe ô tô này để nhận chở hàng không có hoá đơn từ Hà Nội về Lạng Sơn nhằm tránh sự kiểm tra, phát hiện của cơ quan chức năng. T và chủ hàng thoả thuận tiền cước vận chuyển là 2000 đồng/1 kg hàng hoá, đối với hàng hoá là linh kiện điện tử, nếu bị bắt giữ và bị tịch thu thì T phải bồi thường cho chủ hàng.

Về số hàng linh kiện điện tử trên xe ô tô: Kết quả điều tra xác định chị Hà Thị T (ở thành phố BN) được người đàn ông Trung Quốc tên là AT thuê đóng thùng linh kiện điện tử là hàng phế liệu, hàng lỗi chuyển về Trung Quốc sửa lại. Theo sự chỉ dẫn của AT, chị T đóng vào 97 thùng rồi Hoàng Diệu M (ở thành phố Hà Nội) thuê ô tô đến xưởng của chị T vận chuyển đến kho của chị M thuê ở phường LN, quận HM, thành phố Hà Nội. Ngày 14/9/2020, chủ hàng người Trung Quốc gọi điện thoại cho Dương Thành K (ở thành phố Lạng Sơn) nhờ thuê người chở về Lạng Sơn; K gọi điện cho Hoàng Đình D (ở Lạng Sơn) làm nghề xe ôm tại Thành phố Hà Nội bảo liên lạc với Dương Đức T thuê chở hàng. Do vậy, T bảo

Trần Văn D lái xe ô tô, T ngồi ghế phụ đi ra Hà Nội vận chuyển 80 thùng hàng linh kiện điện tử về Lạng Sơn.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T đã bồi thường 205.000.000 đồng, gia đình bị cáo D bồi thường 30.000.000 đồng cho gia đình người bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Đức T phạm tội "Giết người".

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Đức T 18 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn D; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 07/5/2021, bị cáo Dương Đức T có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết của vụ án. Bị cáo chỉ là phụ xe, không có hành vi xúi giục, điều khiển hay chỉ đạo bị cáo Trần Văn D lái xe đâm vào Chiến sỹ Cảnh sát cơ động gây tai nạn dẫn đến hậu quả chết người. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án bảo đảm khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung trong Đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo không phạm tội giết người.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Văn N phát biểu ý kiến đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo T.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án bảo đảm đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đã áp dụng điểm d khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 18 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng lý do mà bị cáo đưa ra là không có cơ sở, không phù hợp với diễn biến khách quan hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Trong vụ án này, người trực tiếp điều khiển xe ô tô là bị cáo D. Bị cáo T có trình độ học vấn thấp nên khả năng

nhận thức pháp luật còn hạn chế; khi bị cáo ngồi ở ghế phụ nhìn thấy Cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh nhưng bị cáo T nghĩ rằng không phải ra hiệu lệnh đối với xe của mình nên có nói với D là cứ chạy đi và D đã hiểu sai ý của bị cáo dẫn đến sự việc gây tai nạn làm anh M tử vong. Sau khi xảy ra sự việc đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 205 triệu đồng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D đều khai nhận: *“Vào khoảng 16 giờ ngày 14/9/2020, khi bị cáo đang điều khiển và Dương Đức T ngồi ở ghế phụ xe ô tô biển kiểm soát 29B-501.64 thì bị Tổ công tác liên ngành ra hiệu lệnh dừng xe; bị cáo đã giảm tốc độ, bật xi nhan và điều khiển xe đi vào lề đường phía bên phải. Lúc này, bị cáo thấy phía trước có 03 đồng chí mặc trang phục Cảnh sát cơ động đi theo hàng ngang về phía xe thì T bảo bị cáo cứ chạy đi. Vì T là chủ hàng, bị cáo là lái xe thuê nên khi T bảo chạy là bị cáo chỉ nghe theo T tăng ga chạy. Khi bị cáo tăng ga chạy, có 02 người nhảy sang bên, còn người ở giữa nhảy lên capo trước đầu xe; T tiếp tục chỉ đạo bị cáo lái xe bỏ chạy, được khoảng 1 km thì người Cảnh sát ngã xuống đường, bị cáo đã biết là khi người đó ngã thì xe của bị cáo đã đề lên, lúc đó T vẫn ra lệnh cho bị cáo không được dừng xe, bị cáo vẫn chạy thêm một đoạn, lúc đó thấy sợ quá nên bị cáo đã dừng xe”*.

[2] Đối với bị cáo Dương Đức T, trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo không thừa nhận việc đã chỉ đạo Trần Văn D lái xe bỏ chạy. Tại Biên bản giao nhận bản kết luận điều tra vụ án và tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/02/2021, bị cáo T có ý kiến: *“Tôi từ chối nhận Kết luận điều tra, vì tôi không chỉ đạo anh D 3 lần khi bị CSGT ra hiệu lệnh dừng xe. Mà khi gần đến chỗ anh CSGT giơ gậy nhưng không chỉ về hướng xe của tôi thì tôi bảo D “cứ đi đi” và khi qua anh CSGT cách CSCĐ khoảng 3-5m thì tôi bảo D “đi đi”, tôi chỉ bảo 2 lần”* (bút lục: 1720, 1752, 1753). Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T trình bày: *“Bị cáo có nhìn thấy Cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh chỉ, nhưng không chỉ vào xe của bị cáo, nên bị cáo bảo anh D cứ chạy”; tuy vậy, T cũng xác định: “Bị cáo có nhìn thấy ba anh Cảnh sát đứng cách xe của bị cáo mấy mét”; “Bị cáo có nhìn thấy anh Cảnh sát bám đu trên capo xe của bị cáo... vì hoảng sợ nên bị cáo bảo anh D cứ chạy đi và không đỗ xe... xe đi khoảng 200 đến 300 mét thì anh Cảnh sát ngã xuống đường... Bị cáo thấy xe kênh lên, nhưng không biết có đề lên người không, do hoảng sợ bị cáo bảo anh D cứ chạy, nhưng chạy được một đoạn thì anh D dừng xe” và “Bị cáo chở thuê không có hợp đồng và không có hóa đơn, nếu mất bị cáo phải đền... Anh D không phải đền vì bị cáo chỉ thuê D lái xe, còn hàng thì bị cáo áp tải”* (bút lục: 1864-1870).

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T vẫn không thừa nhận việc đã chỉ đạo Trần Văn D lái xe bỏ chạy và cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi “Giết người”. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo như đã nêu trên; đối chiếu với nội dung Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm phương tiện là chiếc xe ô tô nhãn hiệu ford transit mang biển kiểm soát 29B-501.64, Biên bản khám nghiệm tử thi bị hại, Kết luận giám định pháp y về tử thi bị hại, dữ liệu hình ảnh từ camera ghi nhận được, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định:

Dương Đức T là chủ xe, trực tiếp giao dịch nhận chỗ thuê hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ và có trách nhiệm bồi thường cho chủ hàng khi bị thu giữ; Trần Văn D là lái xe thuê cho T, được T trả tiền công hàng tháng. Vào khoảng hơn 16 giờ ngày 14/9/2020, Dương Đức T ngồi ở ghế phụ xe ô tô nhãn hiệu ford transit mang biển kiểm soát 29B-501.64 do Trần Văn D điều khiển chở 80 thùng hàng linh kiện điện tử không có hoá đơn, chứng từ đang đi trên đường từ Hà Nội về Lạng Sơn. Khi đến Km 122+250 thuộc địa phận xã Nội Hoàng, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông trong Tổ công tác liên ngành ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe để kiểm tra. D đã giảm tốc độ, bật xi nhan báo hiệu và điều khiển xe đi chậm vào lề đường phía bên phải. Lúc này, có 03 người mặc trang phục Cảnh sát cơ động (gồm anh L, anh H và anh M) đi bộ theo hàng ngang đi đến cách đầu xe khoảng 3-5m. Do sợ bị tịch thu hàng hoá phải đền tiền nên T bảo D lái xe bỏ chạy; D lập tức tăng ga lái xe tiến thẳng về phía trước trong khi có 03 người mặc trang phục Cảnh sát cơ động đang đi tới thì anh L và anh H nhảy kíp sang hai bên tránh được, còn anh M đi giữa chỉ kịp nhảy lên bám trên nắp capo trước đầu xe ô tô. Tuy vậy, T vẫn tiếp tục bảo D lái xe lạng lách bỏ chạy với tốc độ trung bình 60 km/h trên đường cao tốc dài 1,16 km làm anh M ngã xuống đường và bị bánh trước bên phải xe ô tô do D điều khiển chèn qua người gây tử vong.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào Án lệ số 18/2018/AL được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tuyên bố bị cáo Dương Đức T và bị cáo Trần Văn D phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp “Giết người đang thi hành công vụ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan. Bị cáo Dương Đức T kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết của vụ án; bị cáo không có hành vi xúi giục, điều khiển hay chỉ đạo bị cáo Trần Văn D lái xe đâm vào Chiến sỹ Cảnh sát cơ động gây tai nạn dẫn đến hậu quả chết người và không thực hiện hành vi “Giết người” nhưng bị cáo không đưa ra được các chứng cứ, tình tiết nào để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ; đồng thời, lời trình bày và lời bào chữa của bị cáo tại phiên tòa cũng có nhiều nội dung thiếu chính xác, có mâu thuẫn, không phù hợp với diễn biến khách quan hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, kháng cáo của bị cáo Dương Đức T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại và của Luật sư bào chữa cho bị cáo về mức hình phạt của bị cáo Dương Đức T thì thấy:

Trong quá trình điều tra vụ án và tại các phiên tòa, bị cáo Dương Đức T nhiều lần có thái độ khai báo quanh co, thiếu chính xác và đều không thừa nhận việc đã chỉ đạo Trần Văn D lái xe bỏ chạy gây tai nạn dẫn đến hậu quả chết người. Điều này thể hiện bị cáo thiếu thành khẩn; chưa thực sự ăn năn, hối cải về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm không có nhận định về thái độ khai báo của bị cáo T nhưng tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”) đối với bị cáo là không đúng. Ngoài ra, xem xét khách quan, toàn diện diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện thì thấy: Hành vi T bảo D lái xe bỏ chạy khi ngay phía trước xe có 03 chiến sỹ Cảnh sát cơ động là đặc biệt nguy hiểm, có khả năng làm chết cả 03 người nhưng thực tế có 02 người kịp thời né tránh nên không bị xe ô tô đâm trúng mà chỉ đâm trúng vào 01 người. Như vậy, hành vi của T và D còn có dấu hiệu phạm vào tình tiết định khung “Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” quy định tại điểm l khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tuy vậy, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo D, 18 năm tù đối với bị cáo T mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp; đã bảo đảm tính nghiêm minh, tính cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước trừng trị người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo T; không chấp nhận ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo T và cũng không đặt ra việc kiến nghị đến người, cơ quan có thẩm quyền xem xét lại vụ án mà yêu cầu Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm để bảo đảm việc xử lý, xét xử các vụ án tương tự được khách quan, đầy đủ, công bằng, chính xác và đúng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Đức T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Đức T **18** (mười tám) năm tù, về tội "Giết người"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/9/2020.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn D; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/9/2021.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo; Luật sư bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền